TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:101/2018/DSPT
Ngày: 28-02-2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thuý**.

Các Thẩm phán: Ông **Võ Trung Hiếu.**

Ông **Huỳnh Văn Ngoan.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương**. là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 150/2017/DSST ngày 15 tháng 09 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2018/QĐPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Trần Thị Như P**, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị **Dương Thị M**, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Trần Thị Như P**, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Dương Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn anh **Huỳnh Ngọc T** trình bày:* Vào ngày 01/11/2016, bà M có hỏi anh vay số tiền 40.000.000 đồng nên anh có hỏi bạn của anh là chị Trần Thị Như P để vay số tiền 40.000.000 đồng đưa cho bà M vay. Bà M nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền cho anh, bà hứa trong 01 tháng sẽ trả lại nhưng đến hạn trả bà M không trả mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu. Nay anh yêu cầu bà M trả đủ số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật còn việc chị P thay mặt anh đưa tiền cho bà M vay thì giữa anh và chị P sẽ tự thoả thuận giải quyết.

* *Bị đơn bà **Dương Thị M** trình bày*: Chị không vay tiền của anh T nên không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng theo yêu cầu của anh T. Chữ ký và chữ viết họ tên Dương Thị M trong giấy vay tiền ngày 01/11/2016 là chữ ký và chữ viết của chị, còn phần trên do ai viết, chị không biết. Ngày 01/11/2016, chị P cho người kêu chị vào nhà của chị P thì chị P cho người đánh đạp, ép buộc và đe doạ, ép chị viết giấy vay tiền 40.000.000 đồng này chứ thật ra chị không vay và nhận tiền của anh T.

* *Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị **Trần Thị Như P** trình bày*: Chị và anh T là bạn. Ngày 01/11/2016, chị M đến nhà chị chơi và hỏi anh T vay số tiền 40.000.000 đồng, anh T không mang theo tiền nên anh T nhờ chị đưa số tiền 40.000.000 đồng cho chị M vay, sau này anh T sẽ trả tiền lại chị. Chị M có ký giấy vay tiền cho anh T. Nay anh T khởi kiện yêu cầu chị M trả 40.000.000 đồng thì chị M trả cho anh T, còn việc chị đưa tiền cho chị M là đưa dùm anh T chứ không phải tiền của chị cho chị M vay. Chị và anh T sẽ tự thoả thuận giải quyết việc vay tiền này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2017/DSST ngày 15/9/2017 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc T.

Chị Dương Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Ngọc T số tiền vay 40.000.000 đồng, một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu chị M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2017, bà Dương Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án huỷ án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Dương Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà không quen biết anh Huỳnh Ngọc T nên không có vay tiền của anh T, bà có vay tiền của chị P. Giấy vay tiền ngày 01/11/2016 có chữ ký của bà, bà cũng thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là do bà ký nhưng do chị P cho người bắt bà, ép buộc bà ký tên.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng tại tòa án cấp phúc thẩm. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị M là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ y án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 01/11/2016 anh Huỳnh Ngọc T có cho bà Dương Thị M vay số tiền 40.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận không tính lãi, thời hạn vay 01 tháng, việc vay tiền có làm giấy nợ. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là giấy nợ ngày 01/11/2016, có chữ ký của bà M. Phía bà M cũng thừa nhận chữ ký tên trong giấy nợ là do bà ký. Do đó, án sơ thẩm xác định giữa anh Huỳnh Ngọc T và bà Dương Thị M xác lập hợp đồng vay tài sản theo qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ.

Theo thỏa thuận thì thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 01/11/2016. Đến hạn trả nợ anh T nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng đến nay bà M vẫn không thực hiện việc trả nợ cho anh T. Như vậy, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với anh T. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ, đúng qui định pháp luật.

Xét kháng cáo của bà Dương Thị M cho rằng bà không biết anh T là ai và không có vay tiền của anh T. Bà ký tên vào giấy nợ ngày 01/11/2016 là do bị chị P ép buộc bà ký tên.

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay ngày 01/11/2016 giữa anh Huỳnh Ngọc T với bà Dương Thị M thấy rằng:

Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2016, tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng.

Bà M cho rằng bà không biết anh T và không có vay tiền của anh T. Bà bị chị P cho người bắt bà, đánh đập và ép buộc bà ký tên vào giấy nợ nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho việc bà bị ép buộc ký tên vào giấy nợ ngày 01/11/2016. Phía chị P là đại diện ủy quyền của anh T không đồng ý lời trình bày của bà M và không thừa nhận có việc ép buộc bà M ký tên vào giấy nợ. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận sau khi bà bị ép buộc ký tên vào giấy nợ ngày 01/11/2016 bà cũng không đến cơ quan chức năng để trình báo việc bà bị ép buộc ký tên vào giấy nợ.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà M không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/20169/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 150/2017/DSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc T.

Chị Dương Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Ngọc T số tiền vay 40.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu chị M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35787 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên bà M còn phải nộp tiếp 2.000.000 đồng nữa.

Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại 1.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35171 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: [26]

[1] .....

[2].....

[3] .....

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào [27] .....

[28]: .....

.....[29]

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 75:

(1) và (5) Ghi tên Toà án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ); nếu là Toà án nhân dân cấp cao, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố nào (ví dụ: Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2017 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...". Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.

(13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(14) và (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng; nếu

vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có). Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc T bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)